TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-PT
Ngày 09 - 5 -2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.
Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh.
Ông Đinh Huy Hiệp.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 3; ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/TLDS-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Số 282, đường CVT, Tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàm Mạnh Q; địa chỉ: Số 25b, đường Lê Lợi, Tổ 5, phường Quyết Thắng, thành phố X, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số 300, đường CVT, tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Có mặt

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn E; địa chỉ: Số 300, đường CVT, tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Trần Thành E1; địa chỉ: Số 300, đường CVT, tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S và chị Đỗ Thị S1; địa chỉ: Số 282, đường CVT, Tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ngân hàng Z; địa chỉ: Số 18, đường G, quận TX, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Mạnh D1 và ông Ngô Quốc D2. Ông D2 vắng mặt; ông D và ông D1 có mặt.

- Quỹ tín dụng nhân dân M; địa chỉ: Số 104a, đường TĐN, tổ 10, phường QT, thành phố X, tỉnh Sơn La. Do ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ Giám đốc làm đại diện. Có mặt.

Do có kháng cáo *của bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/01/2021, bà Nguyễn Thị H có đến gặp bà Nguyễn Thị K đặt vấn đề vay tiền để đáo hạn tiền vay tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La, vì là chỗ hàng xóm nên bà K đã tin tưởng cho bà H vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), thời hạn vay là 05 ngày (kể từ ngày 18/01/2021), lãi suất theo thỏa thuận và bà H đã cầm cố tài sản cho bà K gồm 05 giấy chứng nhận QSDĐ như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U825936 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 07/10/2002 mang tên Nguyễn Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911554 do UBND huyện SM cấp ngày 26/11/2010, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn E ngày 12/3/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY406416 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 15/01/2021 mang tên Trần Thành E1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N351471 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 21/9/1998 mang tên Trần Văn E; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD477591 do UBND thành phố X cấp ngày 29/7/2016 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn E.

Sau khi bà H ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản, bà K đã giao đủ số tiền mặt là 2.000.000.000 đồng cho bà H. Khi bà H nhận đủ số tiền trên để đáo hạn nợ thì bà H nói hiện đang làm thủ tục vay tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La, vay được sẽ đem trả ngay cho bà K tiền và lấy lại các giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp đó cho Ngân hàng, sau đó bà H mượn lại giấy chứng nhận QSDĐ (bản gốc) để làm thủ tục vay tiền với Ngân hàng và giao cho bà K bản photo.

Hết thời hạn vay bà K đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng bà H khất đến ngày 30/3/2021, hết ngày 30/3/2021 bà H vẫn không trả nợ được cho bà K, ngày 31/01/2022 bà K đến yêu cầu bà H thanh toán nợ, đã thúc giục bà H nhiều lần nhưng không có kết qủa nên bà K đã có đơn khởi kiện bà đến Tòa án nhân dân thành phố X đề nghị giải quyết buộc bà H phải thanh toán trả nợ cho bà K số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 0,7%/tháng tính từ thời điểm chậm trả, nhưng nếu bà H khó khăn xin thì bà K không tính lãi nữa. Trường hợp bà H không có khả năng thanh toán nợ được thì buộc bà H phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm Mạnh Q, trình bày:

Qua xem xét các tài liệu của bà K cung cấp thì ngày 18/01/2021, bà Nguyễn Thị H là hàng xóm có đến đặt vấn đề vay tiền bà K để đáo hạn tiền vay tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La, vì là chỗ hàng xóm nên bà K đồng ý cho bà H vay số tiền 2.000.000.000 đồng, với thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 18/01/2021, lãi suất theo thỏa thuận với bà H đã cầm cố tài sản cho bà K gồm 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photo.

Sau đó ngày 18/01/2021 bà K và bà H đã làm hợp đồng vay tiền mặt có anh Nguyễn Văn S và chị Đỗ Thị S1 *(là con trai và con dâu bà K)* cùng tham gia có tên trong hợp đồng vay tiền. Đồng thời có cả chị Bùi Thị B là kế toán của bà K cùng tham gia ký tên tại hợp đồng. Lý do có tên của vợ chồng anh S là do bà K đã 65 tuổi, hiện tại đang có bệnh hiểm nghèo, anh S là con trai trưởng, nếu bà K có xảy ra chuyện rủi ro, thì anh S là người trực tiếp thực hiện việc thanh toán nợ với bà H. Sau khi ký hợp đồng vay tiền nêu trên thì bà K đã giao đủ số tiền mặt cho bà H là 2.000.000.000 đồng có sự chứng kiến của bà Bùi Thị B.

Quá thời hạn 05 ngày bà K yêu cầu bà H trả tiền, nhưng bà H không có khả năng trả nợ, nên đã ghi hẹn trả nợ cho bà K vào ngày 30/3/2021. Do bà H không trả nợ cho bà K đúng hạn nên bà K đã gửi đơn Tòa án để khởi kiện bà H, bà H đã vi phạm về hợp đồng vay tài sản của bà K là đúng và có căn cứ theo quy định của pháp luật. Với tư cách là người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng, ông Q đề nghị HĐXX buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn, trình bày:

Ngày 17/01/2021, ông H cán bộ Ngân hàng Z - Chi nhanh tỉnh Sơn La là người trực tiếp quản lý hồ sơ món vay của bà H, có gọi điện thoại cho bà H nói món vay của bà chưa đến kỳ đáo hạn nợ nhưng muốn đáo hạn trước để được hưởng lãi suất ưu đãi của Ngân hàng thì đến Ngân hàng đáo nợ trước, nên ngày 18/01/2021 bà H đã đến hiệu cầm đồ của bà Nguyễn Thị K ở gần nhà để vay tiền, sau khi bàn bạc thống nhất bà K đưa cho bà tờ hợp đồng vay tiền mặt in sẵn, bà H tự điền vào nội dung cần vay tiền và bà K yêu cầu bà H ký vào bản hợp đồng vay tiền trước. Rồi bà K gọi điện thoại cho ông H để chứng thực có đúng bà H vay tiền để đáo nợ ngân hàng không, bà K không trực tiếp đưa tiền mặt cho bà như bà K đã trình bày và yêu cầu bà để lại số tài khoản rồi *bảo "cô cứ về trước đi tôi sẽ gửi cho và ông H sẽ giao dịch đáo hạn cho cô xong cô chỉ sang trả tiền chênh lệch"*.

Do tin tưởng bà K nên bà H đã về nhà, đến chiều ngày 18/01/2021 không thấy tiền vào tài khoản của bà, nên bà đã gọi điện cho bà K và được bà K trả lời *"cô cứ yên tâm"*, đến ngày hôm sau vẫn không thấy chuyển tiền cho bà nên không đáo được hạn nợ, do vậy giấy tờ vay của bà với bà K không có hiệu lực và bà cũng không được thế chấp giấy tờ gì cho bà K vì tất cả giấy chứng nhận QSDĐ của bà đều đã đem đi thế chấp vay tiền tại Ngân hàng từ lâu.

Lý do bà viết giấy cam kết ngày 25/01/2021 hẹn đến ngày 30/01/2021 sẽ thanh toán trả nợ hết cho bà K là do bà K với ông H trao đổi với nhau để đáo hạn nợ cho bà, nhưng thực tế bà không được cầm tiền mặt từ bà K đưa và cũng không thấy đáo hạn nợ ngân hàng cho bà, sự việc trên bà không đưa ra được tài liệu nào chứng minh nhưng có các con của bà K biết.

Nay bà K khởi kiện buộc bà phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ 2.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận và yêu cầu trong trường hợp bà không có khả năng thanh toán nợ được thì buộc bà phải xử lý tài sản đảm bảo để bà K thu hồi nợ, thì bà không nhất trí.

Bà H công nhận được ký vào hợp đồng vay nợ với bà K, ký xác nhận khất nợ nhưng thực tế bà H cho rằng không được nhận tiền mặt. Trong hợp đồng vay tiền bà nhất trí trả bằng tài sản là thửa đất ở SM; đất ở khu vực phường CS, thành phố X để đối trừ vào khoản vay. Bà H không nhất trí trả tiền cho bà K.

Theo các bản tự khai, biên bản làm việc và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S và chị Đỗ Thị S1 trình bày:

Ngày 18/01/2021, bà Nguyễn Thị H đến nhà anh vay 2.000.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn nợ ngân hàng. Do là chỗ hàng xóm gần nhà, nên mẹ anh là bà K đã cho bà H vay 2.000.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất theo thỏa thuận, hẹn 05 ngày sẽ trả nợ. Bà H đem 05 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H và con trai cho mẹ anh làm tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Cùng ngày, các bên đã viết giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay nợ, tài sản bảo đảm, thời gian trả nợ, cùng ký và ghi rõ họ tên. Số tiền 2.000.000.000 đồng là mẹ anh cho bà H vay, vì lý do mẹ anh già yếu, nếu có chuyện gì xảy ra thì anh cùng vợ anh là chị S1 sẽ chịu trách nhiệm đòi khoản tiền bà H đã vay, do đó mới có tên của vợ chồng anh tại giấy vay tiền giữa mẹ anh và bà H.

Quá thời hạn 05 ngày, bà H không trả tiền mà tiếp tục hẹn đến ngày 30/01/2021 sẽ thanh toán nội dung hẹn được thể hiện tại giấy vay tiền giữa mẹ anh và bà H. Nay mẹ anh làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 2.000.000.000 đồng và lãi suất, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các bản tự khai, biên bản làm việc và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn E, trình bày:

Ngày 18/01/2021, vợ ông là bà H sang nhà bà K để hỏi vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích để đáo nợ ngân hàng. Nhưng bà K không cho vay

tiền mặt mà bảo vợ ông ký vào giấy vay tiền trước, bà K sẽ trực tiếp đáo nợ ngân hàng, vợ ông chỉ cần trả tiền lãi cho bà K là xong.

Vợ ông hoàn toàn không thế chấp tài sản nào cho bà K, bởi gia đình ông đã thế chấp cả 05 bìa đất tại các ngân hàng: 03 bìa đất tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La; 01 bìa đất thế chấp tại Quỹ tín dụng liên phường xã Quyết Tháng và 01 bìa tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Sơn La. Nay ông đề nghị Tòa án làm rõ vụ việc, nếu có biểu hiện của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo các bản tự khai, biên bản làm việc và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thành E1, trình bày:

Anh có 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CY406416 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/01/2021 đã được thế chấp tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Sơn La từ ngày 20/01/2021, hiện anh vẫn đang trả lãi cho Ngân hàng đối với khoản vay này. Do đó, mẹ anh không thể đem đi thế chấp cho bà K để vay tiền của bà K được. Việc bà K có bản photo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh để cho mẹ anh vay tiền là không có căn cứ. Nay bà K khởi kiện mẹ anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các bản tự khai, biên bản làm việc và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng chị Bùi Thị B, trình bày:

Chị được bà K thuê làm kế toàn quản lý sổ sách, theo dõi các khoản thu chi vay nợ và giao dịch với ngân hàng.

Ngày 18/01/2021, bà Nguyễn Thị H đến Cửa hàng vàng bạc B của bà K để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích để đáo nợ tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La. Sau khi hoàn thành thủ tục vay tiền, bà K bảo chị xuất tiền mặt đưa cho bà H đúng đủ 2.000.000.000 đồng.

Nay bà K yêu cầu bà H trả số tiền đã vay theo Giấy vay nợ ngày 18/01/2021, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 47; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cùa bà Nguyễn Thị K đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tiền gốc, không tính lãi suất.

Trong trường hợp bà H không trả được nợ cho bà K, bà K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là các quyền sử dụng đất, gồm:

- 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số U825936, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 1737 QSDĐ/ số 571/QĐ-UB cấp ngày 07/10/2002, mang tên Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất: HTX Ân Sinh, phường CS, thành phố X, tỉnh Sơn La;

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BC911554, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01439 do UBND huyện SM cấp ngày 26/11/2010 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn E; địa chỉ thửa đất: Bản NT, xã CK, huyện SM, tỉnh Sơn La;

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CD477591 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00093 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 29/7/2016 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn E; địa chỉ thửa đất: Tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất của Ngân hàng nhà nước tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm, ngày 19/9/2022 bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Ý kiến của bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Không nhất trí đối với nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của người đại diện cho Ngân hàng Z : Ngày 23/9/2020 Ngân hàng Z - Chi nhánh Sơn La ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 135265.20.785.2424860 với bên vay là ông Trần Văn E và bà Nguyễn Thị H, số tiền vay là 5.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 285k, tờ bản đồ số 71-13 diện tích 136m^2 địa chỉ: CS, thị xã Sơn La (nay là phường CS, thành phố X, tỉnh Sơn La), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U825936, vào sổ cấp đất GCN: 1737 QSDĐ số 571/QĐ-UB do UBND thị xã Sơn La cấp cho bà Nguyễn Thị H. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ 122, diện tích 1.582,7m^{2,} địa chỉ: Bản NT, xã CF, huyện SM, tỉnh Sơn La, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 911554, vào sổ cấp đất GCN số CH01439 1737 QSDĐ số 571/QĐ-UB do UBND huyện SM, tỉnh Sơn La cấp ngày 26/11/2010; ngày 12/03/2019 chuyển nhượng

cho ông Trần Văn E và bà Nguyễn Thị H. Do bà H và ông E không thanh toán khoản nợ nên Ngân hàng Z đã khởi kiện ra Tòa án thành phố X và đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết.

Ngày 05/5/2021 Tòa án thành phố X đã thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị K với bà Nguyễn Thị H. Tại bản án số 47/2022/DS-ST ngày 19/12/2022 đã tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cùa bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tiền gốc, không tính lãi suất. Trong trường hợp bà H không trả được nợ cho bà K, bà K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là các quyền sử dụng đất. gồm:

- 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số U825936, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 1737 QSDĐ/ số 571/QĐ-UB cấp ngày 07/10/2002, mang tên Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất: HTX A, phường CS, thành phố X, tỉnh Sơn La;

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BC911554, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01439 do UBND huyện SM cấp ngày 26/11/2010 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn T; địa chỉ thửa đất: Bản NT, xã CK, huyện SM, tỉnh Sơn La;

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CD477591 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00093 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 29/7/2016 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn E; địa chỉ thửa đất: Tổ 12, phường CT, thành phố X, tỉnh Sơn La.

Ngày 7/12/2022, Ngân hàng Z nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà K và bà H với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về tố tụng cụ thể:

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng.

+ Tòa án vi phạm thủ tục tống E1, thông báo: Ngân hàng Z MB và Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La không nhận được bất kỳ giấy thông báo, giấy triệu tập nào từ Tòa án nhân dân thành phố X; Bản án sơ thẩm ngày 12/9/2022 xác định Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, trong hồ sơ vụ án có 2 văn bản có chữ ký của chuyên viên Nguyễn Mạnh D1. Thực tế, Ngân hàng Z chưa ủy quyền cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm.

+ Giải quyết yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn không có yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm đang thế chấp tại Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La, nhưng cấp sơ thẩm tuyên cho nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng Z - Chi nhánh Sơn La.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện cho Quỹ tín dụng M: Từ tháng 6/2020 đến nay bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn E đã thế chấp tài sản tại Quỹ tín dụng, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 477591 theo Hhợp đồng thế chấp tương ứng là 2020-02-HM-00072/HĐTC ngày 17/6/2020. Hiện nay hợp đồng này vẫn còn hiệu lực và bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ trên vẫn đang được lưu giữ tại quỹ tín dụng. Tại bản án số 47/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X đã tuyên bà Nguyễn Thị K là nguyên đơn trong vụ án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đang thế chấp tại Quỹ tín dụng. Để đảm bảo quyền lợi của Quỹ tín dụng. Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy không kê biên, phát mại tài sản đang thế chấp tại Quỹ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc S theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng không kê biên, phát mại các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La và Quỹ tín dụng M.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) theo hợp đồng vay nợ đã cung cấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác mà cần xác định Ngân hàng Z là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bởi lẽ, Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La chỉ là Chi nhánh của Ngân hàng Z , không phải pháp nhân, quá trình giải quyết vụ án không được Ngân hàng Z ủy quyền và không đưa Quỹ tín dụng nhân dân M vào tham gia tố tụng

với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Bởi lẽ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 477591 được UBND thị xã Sơn La cấp ngày 29/7/2010 mang tên bà Nguyễn Thị H – ông Trần Văn E hiện đang được thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân M. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục bổ sung đưa Ngân hàng Z và Quỹ tín dụng M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đảm bảo quyền lợi cho các Ngân hàng. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Xuất phát từ việc có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bà Nguyễn Thị H đã vay của bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000 đồng, phía bà H và bà K đều xác nhận khoản vay trên là có thật và được lập hợp đồng cho vay tiền ngày 18/01/2021 việc ký kết hợp đồng cho vay tiền là hoàn toàn tự nguyện giữa bên vay và bên cho vay, do đó Hợp đồng vay tiền giữa bà H và bà K lập ngày 18/01/2021 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Do không có khả năng trả nợ đúng hạn nên tại hợp đồng vay tiền có thể hiện thêm nội dung *"Hôm nay ngày 25/01/2021 hẹn 30/3/2021, em sẽ thanh toán"* bà Nguyễn Thị H xác nhận nội dung và chữ viết trong hợp đồng là do bà tự ghi để khất nợ, việc ký, viết của bà H là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Bà H cho rằng không được nhận tiền vay từ bà K mà do bà K chuyển khoản cho ông Đỗ Thái L là cán bộ Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sơn La để ông L thực hiện việc đáo hạn. Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập tại cấp phúc thẩm, ông Đỗ Thái L xác nhận có được thực hiện việc đáo hạn trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2021 đến ngày 23/01/2021 cho bà H nhưng không nhớ rõ cầm tiền mặt để đáo hạn hay bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, qua xác minh tại Ngân hàng Z – Chi nhánh tỉnh Sơn La xác định trong khoảng thời gian trên ông L không thực hiện việc đáo hạn cho bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng và trong hợp đồng vay tiền giữa bà K và bà H cũng không có ông L tham gia. Ngoài lời khai bà H cũng không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào việc vay tiền có liên quan đến ông L. Việc cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định, cần được chấp nhận.

Đối với phần tài sản bảo đảm để vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H được ghi trong Hợp đồng vay tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy các Giấy chứng nhận QSDĐ đất, gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ đất số U825936 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 07/10/2002, mang tên Nguyễn Thị H; Giấy chứng nhận QSDĐ số BC911554 do UBND huyện SM cấp ngày 26/11/2010, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn E ngày 12/3/2019; Giấy chứng nhận QSDĐ số CY406416 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 15/01/2021 mang tên Trần Thành E1; Giấy chứng nhận QSDĐ số N351471 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 21/9/1998, mang tên Trần Văn E; Giấy chứng nhận

QSDĐ số CD477591 do UBND thành phố X cấp ngày 29/7/2016 mang tên Nguyễn Thị H và Trần Văn E. Tại Hợp đồng vay thể hiện tài sản bảo đảm phải được giao bằng bản chính và phải lập thành văn bản có xác nhận của văn phòng công chứng. Tuy nhiên đối với 05 bìa đất bà H làm tài sản bảo đảm khi vay tiền của bà K toàn bộ được giao đều là bản photo không được công chứng chứng thực, hơn nữa, có 03 bìa đất đang làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà H tại Quỹ tín dụng M và Ngân hàng Z - chi nhánh Sơn La. Như vậy, đối với 03 bìa đất đang thế chấp tại các Ngân hàng nêu trên làm tài sản bảo đảm tại hợp đồng vay tiền của bà K, không đủ điều kiện để làm tài sản thế chấp. Việc cấp sơ thẩm tuyên trong trường hợp bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì bà K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp là 03 quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng quy định. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sơn La, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 47; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000.000đ *(hai tỷ đồng)* tiền gốc, chấp nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu chị H phải chịu lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, không phải chịu án phí dân sự phúc

thẩm, được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002215 ngày 19/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2023).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố X;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tòng Thị Hiền